

CÔNG TY CỔ PHẦN
SOMECO SÔNG ĐÀ

Số 79 CT/TCKT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 18 tháng 05 năm 2011

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

1. Tên Công ty: Công ty CP Someco Sông Đà
2. Mã chứng khoán: MEC
3. Địa chỉ trụ sở chính: Số 47/115 Nguyễn Khang, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội
4. Điện thoại: 04.3783.2398 Fax: 04.3783.2397
5. Người thực hiện công bố thông tin: Trần Thanh Sơn – Tổng giám đốc Công ty CP Someco Sông Đà
6. Nội dung thông tin công bố:

Báo cáo tài chính quý I năm 2011 hợp nhất được lập ngày 20 tháng 04 năm 2011 bao gồm: BCĐKT, BCKQKD, BCLCTT, TMBCTC và văn bản số CT/TCKT ngày 18/05/2011 giải trình chênh lệch 10% LNST so với cùng kỳ năm ngoái.

7. Địa chỉ Website đăng tải toàn bộ báo cáo tài chính quý I năm 2011 hợp nhất của Công ty CP Someco Sông Đà: **someco.com.vn**

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu P.TCKT

NGƯỜI THỰC HIỆN CBTT

Số: 78 CT/TCKT

Hà nội, ngày 18 tháng 05 năm 2011

V/v: "Giải trình kết quả kinh doanh hợp nhất
quý I-2011 giảm so với quý I-2010 "

Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Công ty Cổ phần SOMECO Sông Đà, mã chứng khoán MEC, đã gửi báo cáo tài chính tóm tắt quý I/2011 ra Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội ngày 20/05/2011. Trong đó kết kinh doanh quý I/2011 giảm so với quý I/2010:

ĐVT, 1.000, đồng

TT	Chỉ tiêu	Quý I/2011	Quý I/2010	Chênh lệch	Biến động
1	Doanh thu	20.884.446	32.970.442	-12.085.996	63,34%
2	Lợi nhuận	699.480	3.546.598	-2.847.118	19,72%

Công ty Cổ phần SOMECO Sông Đà xin giải trình như sau:

Do đặc thù sản xuất kinh doanh của đơn vị: Hoạt động trong lĩnh vực xây lắp. Một số công trình đơn vị đang thi công trong quý I/2011 chưa đến giai đoạn nghiệm thu thanh toán. Vì vậy chỉ tiêu doanh thu quý I/2011 giảm 12,085 tỷ đồng so với quý I/2010 tương đương 63,34% so với quý I/2010. Chỉ tiêu doanh thu giảm dẫn đến chỉ tiêu lợi nhuận giảm 2,84 tỷ đồng so với quý I/2010 tương đương 19,72% so với quý I/2010. Các chỉ tiêu khác không biến động đáng kể so với quý I/2010.

Vậy Công ty Cổ phần SOMECO Sông Đà xin giải trình tới Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận :

- Như trên;
- Lưu TCKT, VP.

CÔNG TY: CÔNG TY CP SOMECO SÔNG ĐÀ

Báo cáo tài chính

Địa chỉ: 47/115 Nguyễn Khang, Phường Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội

Quý I Năm tài chính: 2011

Tel: 04.3783.2398 Fax: 04.3783.2397

Mẫu số: Q-04d

DN - BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
TÀI SẢN			-	-
A- TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		485,153,436,514	471,909,698,806
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		18,837,086,327	45,954,037,492
1. Tiền	111	V.1	18,837,086,327	45,954,037,492
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		225,693,028,872	250,692,068,653
1. Phải thu khách hàng	131		182,919,504,634	209,287,637,258
2. Trả trước cho người bán	132		35,057,633,387	33,633,604,710
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.3	7,715,890,851	7,770,826,685
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		196,946,233,148	150,125,959,850
1. Hàng tồn kho	141	V.4	196,946,233,148	150,125,959,850
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		43,677,088,167	25,137,632,811
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		15,507,699,280	330,934,348
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		11,517,435,065	11,175,620,982
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.5	-	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		16,651,953,822	13,631,077,481
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		304,320,197,092	292,684,838,772
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		210,486,547	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213	V.6	-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218	V.7	210,486,547	-
5. Dự phòng các khoản phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		274,601,311,568	260,642,741,180
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	52,757,789,896	45,550,613,555
- Nguyên giá	222		116,160,187,003	106,072,813,566
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(63,402,397,107)	(60,522,200,011)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.9	-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	50,228,100	53,018,550
- Nguyên giá	228		555,809,000	555,809,000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(505,580,900)	(502,790,450)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	221,793,293,572	215,039,109,075
III. Bất động sản đầu tư	240	V.12	-	-
- Nguyên giá	241		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		19,686,500,000	19,686,500,000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.13	22,932,500,000	22,932,500,000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(3,246,000,000)	(3,246,000,000)
V. Tài sản dài hạn khác	260		9,821,898,977	12,355,597,592
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	9,769,516,977	10,066,148,819
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.21	-	2,101,564,152
3. Tài sản dài hạn khác	268		52,382,000	187,884,621
VI. Lợi thế thương mại	269		-	-

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		789,473,633,606	764,594,537,578
NGUỒN VỐN				
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		654,198,709,790	627,718,849,953
I. Nợ ngắn hạn	310		430,622,157,656	431,148,624,156
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15	260,052,684,138	238,814,498,568
2. Phải trả người bán	312		62,164,379,044	65,590,950,674
3. Người mua trả tiền trước	313		64,898,946,470	69,290,227,201
4. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314	V.16	11,655,712,312	14,236,790,431
5. Phải trả người lao động	315		9,525,056,390	12,917,839,239
6. Chi phí phải trả	316	V.17	11,778,471,245	14,273,661,946
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.18	12,161,311,895	11,708,563,716
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			5,119,696,219
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323	V.22	(1,614,403,838)	(803,603,838)
II. Nợ dài hạn	330		223,576,552,134	196,570,225,797
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332	V.19	-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		189,960,000	114,960,000
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.20	216,666,391,821	194,852,339,326
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	V.21	-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		1,600,504,094	1,602,926,471
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		5,119,696,219	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B.VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	V.22	117,885,744,384	120,690,647,398
I. Vốn chủ sở hữu	410		117,885,744,384	120,690,647,398
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		70,000,000,000	70,000,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		11,912,177,227	11,927,177,227
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		(1,634,991,105)	378,689,025
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		18,717,600,959	18,717,600,959
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		2,051,918,583	2,051,918,583
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		16,839,038,720	17,615,261,604
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432	V.23	-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
C. LỢI ÍCH CỐ ĐỒNG THIỂU SỐ	439		17,389,179,432	16,185,040,227
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		789,473,633,606	764,594,537,578
CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG				
1. Tài sản thuê ngoài	01		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công	02		1,215,132,371	1,215,132,371
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký c ược	03		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý	04		-	-
5. Ngoại tệ các loại	05		-	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án	06		-	-

CÔNG TY: CÔNG TY CP SOMECO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: 47/115 Nguyễn Khang, Phường Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội

Tel: 04.3783.2398 Fax: 04.3783.2397

Báo cáo tài chính

Quý I Năm tài chính: 2011

Mẫu số: Q-05d

DN - BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Quý này năm nay	Quý này năm trước	Số lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (Năm nay)	Số lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (Năm trước)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	20,884,446,478	32,970,442,841	20,884,446,478	32,970,442,841
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02				0	0
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		20,884,446,478	32,970,442,841	20,884,446,478	32,970,442,841
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.27	17,069,508,933	23,871,701,145	17,069,508,933	23,871,701,145
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ(20=10-11)	20		3,814,937,545	9,098,741,696	3,814,937,545	9,098,741,696
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.26	2,021,796,636	191,424,187	2,021,796,636	191,424,187
7. Chi phí tài chính	22	VI.28	2,354,495,564	-239,189,512	2,354,495,564	-239,189,512
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		2,354,495,564	1,541,068,624	2,354,495,564	1,541,068,624
8. Chi phí bán hàng	24		0	0	0	0
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		2,638,856,455	5,483,129,612	2,638,856,455	5,483,129,612
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh{30=20+(21-22) - (24+25)}	30		843,382,162	4,046,225,783	843,382,162	4,046,225,783
11. Thu nhập khác	31			16,800,594	0	16,800,594
12. Chi phí khác	32		26,410,084	9,771,238	26,410,084	9,771,238
13. Lợi nhuận khác(40=31-32)	40		-26,410,084	7,029,356	-26,410,084	7,029,356
14. Phần lãi lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45		0	0	0	0
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế(50=30+40)	50		816,972,078	4,053,255,139	816,972,078	4,053,255,139
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	V.30	117,492,042	506,656,892	117,492,042	506,656,892
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		0		0	0
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp(60=50-51-52)	60		699,480,036	3,546,598,247	699,480,036	3,546,598,247
18.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		133,165,432	0	133,165,432	0
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	62		566,314,604	3,546,598,247	566,314,604	3,546,598,247
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu(*)	70		81	507	81	507

CÔNG TY: CÔNG TY CP SOMEKO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: 47/115 Nguyễn Khang, Phường Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội

Tel: 04.3783.2398 Fax: 04.3783.2397

Báo cáo tài chính

Quý I Năm tài chính: 2011

Mẫu số: Q-06d

DN - BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT - PPTT

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (Năm nay)	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (Năm trước)
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			-	-
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		128,923,269,952	167,113,906,973
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(54,302,634,800)	(21,124,419,105)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(17,371,189,336)	(13,530,732,170)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(14,765,630,352)	(5,001,364,214)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(2,473,295,603)	
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		30,088,291,882	17,724,492,415
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(87,459,075,695)	(62,646,705,385)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(17,360,263,952)	82,535,178,514
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			-	-
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(3,500,000)	
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		156,474,084	168,199,186
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		152,974,084	168,199,186
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			-	-
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		545,600,000	
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		26,522,381,736	7,118,000,000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(36,977,643,033)	(81,023,470,921)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(9,909,661,297)	(73,905,470,921)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		(27,116,951,165)	8,797,906,779
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		45,954,037,492	12,755,661,284
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70		18,837,086,327	21,553,568,063

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMEKO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Số nhà 47, ngõ 115, Đường Nguyễn Khang, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT – Quý I năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý I Năm 2011

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất, gia công và lắp đặt công trình cơ khí và dịch vụ
3. **Hoạt động chính trong năm** : Hoạt động về kiến trúc, tư vấn về công nghệ và kỹ thuật có liên quan; Dịch vụ thiết kế kết cấu, Thiết kế các hệ thống kỹ thuật liên quan đến công trình; Chế tạo, lắp đặt các thiết bị cho các công trình xây dựng; Đúc sắt thép, kim loại màu; Xây dựng công trình kỹ thuật (công nghiệp, đường dây và trạm biến thế đến 500KV); Sản xuất, mua bán khí ôxy; Nhận ủy thác đầu tư của các tổ chức và cá nhân.
4. **Tổng số các công ty con** : 05
Trong đó:
Số lượng các công ty con được hợp nhất: 05

5. Danh sách các công ty con quan trọng được hợp nhất

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>
Công ty Cổ phần Someco Hà Giang	Thôn Nậm Choong, xã Quảng Nguyên, huyện Xín Mần, tỉnh Hà Giang	90%	60%
Công ty Cổ phần Năng lượng Someco 1	Bản Đồng Mác, xã Quý Hòa, huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn	79%	56%
Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Công nghệ Someco	Số 14 lô 1C Trung Yên, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội	100%	100%
Công ty TNHH MTV Tư vấn Thiết kế Someco	Phòng 1004, Tầng 10, CT4, Khu Đô thị mới Mỹ Đình, Từ Liêm, Hà Nội	100%	100%
Công ty Cổ phần Someco Hòa Bình	Đường Lê Thánh Tông, phường Hữu Nghị, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình	61%	51%

6. Nhân viên

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2011 có 1.311 nhân viên đang làm việc tại Công ty và các Công ty con.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMEKO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Số nhà 47, ngõ 115, Đường Nguyễn Khang, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT – Quý I năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng để lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo hướng dẫn của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ–BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Someco Sông Đà đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ–BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán chứng từ ghi sổ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Someco Sông Đà (công ty mẹ) và các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty con và công ty mẹ và giữa các công ty con với nhau, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMEKO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Số nhà 47, ngõ 115, Đường Nguyễn Khang, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT – Quý I năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận và tài sản thuần của công ty con không nắm giữ bởi các cổ đông của công ty mẹ và được trình bày ở mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

3. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

5. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMEKO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Số nhà 47, ngõ 115, Đường Nguyễn Khang, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT – Quý I năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 06
Máy móc và thiết bị	05 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 08

7. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm: Giá trị thương hiệu Sông Đà và phần mềm máy tính.

Giá trị thương hiệu Sông Đà

Giá trị thương hiệu Sông Đà được xác định bằng 5% vốn điều lệ của Công ty theo Quyết định số 294TC/HĐQT ngày 25 tháng 5 năm 2004 của Hội đồng quản trị Tổng Công ty Sông Đà khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa. Giá trị thương hiệu Sông Đà được khấu hao trong thời gian 05 năm và đã khấu hao hết.

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 05 năm.

8. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

9. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán được ghi nhận theo giá gốc. Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

10. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

Tiền thuê văn phòng trả trước

Tiền thuê văn phòng trả trước thể hiện khoản tiền thuê đã trả cho phần diện tích Công ty đang sử dụng. Tiền thuê văn phòng được phân bổ theo thời hạn thuê quy định trên hợp đồng thuê.

Tiền thuê đất trả trước

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMECO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Số nhà 47, ngõ 115, Đường Nguyễn Khang, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT – Quý I năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất được phân bổ theo thời hạn thuê qui định trên hợp đồng thuê đất.

Chi phí giải phóng mặt bằng

Chi phí giải phóng mặt bằng dự án mỏ đá Hoàng Văn Thụ được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ là 02 năm.

11. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

12. Trích lập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm và bảo hiểm thất nghiệp

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 tại các công ty trong Công ty. Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm là 03% quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí theo hướng dẫn tại Thông tư 82/2003/TT-BTC ngày 14 tháng 8 năm 2003 của Bộ Tài chính. Trường hợp quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm không đủ để chi trợ cấp cho người lao động thôi việc trong năm thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 người sử dụng lao động phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ qui định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp người sử dụng lao động không phải trích lập dự phòng trợ cấp mất việc làm cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009. Tuy nhiên trợ cấp thôi việc trả cho người lao động đủ điều kiện cho thời gian làm việc trước ngày 01 tháng 01 năm 2009 là mức lương bình quân trong vòng sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc.

13. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và có khả năng phải thanh toán khoản nợ đó. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính. Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên trong dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tiền lãi.

Chi phí bảo hành công trình xây lắp

Dự phòng cho bảo hành sản phẩm được lập cho từng loại công trình xây lắp có cam kết bảo hành với mức trích lập theo các cam kết với khách hàng và có mức độ rủi ro cao.

Các hợp đồng có rủi ro lớn

Khoản dự phòng cho các hợp đồng có rủi ro lớn được ghi nhận khi các lợi ích kinh tế dự tính thu được từ hợp đồng thấp hơn chi phí bắt buộc phải trả của cho các nghĩa vụ liên quan đến hợp đồng.

14. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMEKO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Số nhà 47, ngõ 115, Đường Nguyễn Khang, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT – Quý I năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông công ty mẹ.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

15. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

16. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày lập Báo cáo tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

17. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được quy đổi theo tỷ giá tại ngày cuối năm.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong năm.

Riêng trong giai đoạn đầu tư xây dựng để hình thành tài sản cố định trước khi chính thức đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh (giai đoạn trước hoạt động), chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được phản ánh lũy kế trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (chi tiêu Chênh lệch tỷ giá hối đoái). Khoản chênh lệch

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMEKO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Số nhà 47, ngõ 115, Đường Nguyễn Khang, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT – Quý I năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

tỷ giá hối đoái này được phân bổ dần vào thu nhập hoặc chi phí với thời gian không quá 5 năm kể từ khi công trình đưa vào hoạt động.

18. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hóa, thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

19. Hợp đồng xây dựng

Doanh thu được ghi nhận khi công trình có quyết toán A-B hoặc Bản xác nhận khối lượng xây dựng cơ bản hoàn thành theo từng giai đoạn đối với các công trình có thời gian thi công dài và Phiếu giá thanh toán của chủ đầu tư. Các công trình đã có dự toán được phê duyệt thì giá trị hạch toán doanh thu là giá trị quyết toán công trình (không bao gồm thuế GTGT) mà Công ty được hưởng. Đối với các công trình chưa có dự toán được phê duyệt thì giá trị doanh thu hạch toán bằng giá trị được chủ đầu tư chấp nhận thanh toán theo Phiếu giá.

Các khoản chênh lệch giữa giá trị quyết toán công trình được chủ đầu tư duyệt và doanh thu đã được ghi nhận trong các kỳ trước được điều chỉnh tăng hoặc giảm doanh thu trong kỳ phê duyệt quyết toán của chủ đầu tư.

Chi phí xác định kết quả:

- Đối với các công trình đã hoàn thành, nghiệm thu bàn giao hoặc được chủ đầu tư phê duyệt quyết toán thì toàn bộ chi phí tập hợp cho công trình đó được kết chuyển để xác định kết quả kinh doanh.
- Đối với các công trình có thời gian thi công dài mà doanh thu được ghi nhận theo khối lượng xây lắp hoàn thành thì giá vốn để xác định kết quả kinh doanh tương ứng với khối lượng xây lắp đã hoàn thành, trong đó:

$$\text{Giá vốn} = \frac{\text{Chi phí SXKD dở dang đầu kỳ từng CT, HMCT}}{\text{Chi phí SXKD phát sinh trong kỳ từng CT, HMCT}} \times \text{Doanh thu được chủ đầu tư chấp}$$

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMEKO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Số nhà 47, ngõ 115, Đường Nguyễn Khang, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT – Quý I năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

<i>Sản lượng dở dang đầu kỳ từng CT, HMCT</i>	<i>+</i>	<i>Sản lượng thực hiện trong kỳ từng CT, HMCT</i>	<i>nhận thanh toán</i>
---	----------	---	----------------------------

20. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.1.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	8.592.462.607	7.404.887.019
Tiền gửi ngân hàng	10.244.623.720	38.549.150.473
Cộng	18.837.086.327	45.954.037.492

2. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
BHXH, BHYT thu qua lương nhân viên	334.830.390	322.476.423
1% bảo hiểm thất nghiệp phải thu CBCNV	54.345.367	53.264.466
Bảo hiểm thân thể thu qua lương nhân viên	4.287.100	4.758.100
Tiền điện thoại, điện nước phải thu nhân viên	130.518.553	20.364.046
Công ty Cổ phần Sông Đà 7 – nợ tiền mua cổ phiếu	1.040.000.000	1.040.000.000
Phải thu khác	6.151.909.441	6.329.963.650
Cộng	7.715.890.851	7.770.826.685

3. Hàng tồn kho

<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
-------------------	-------------------

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMEKO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Số nhà 47, ngõ 115, Đường Nguyễn Khang, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT – Quý I năm 2011**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất** (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Hàng mua đang đi trên đường		
Nguyên liệu, vật liệu	669.770.912	13.472.285.095
Công cụ, dụng cụ	15.898.872.347	823.072.639
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	180.377.589.889	133.868.349.272
Thành phẩm		1.962.252.844
Cộng	196.946.233.148	150.125.959.850
4. Tài sản ngắn hạn khác		
	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tạm ứng	16.209.382.587	13.350.893.485
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	442.571.235	280.183.996
Cộng	16.651.953.822	13.631.077.481

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMEKO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Số nhà 47, ngõ 115, Đường Nguyễn Khang, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT – Quý I năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

5. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	6.609.832.347	64.975.582.256	32.769.731.429	1.717.667.534		106.072.813.566
Mua trong kỳ		2.313.971.255	2.102.674.909			4.416.646.164
Điều chuyển nội bộ		5.670.727.273				5.670.727.273
Số cuối kỳ	6.609.832.347	72.960.280.784	34.872.406.338	1.717.667.534		117.051.721.871
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	4.862.872.012	33.208.178.517	21.410.851.767	1.040.297.715		60.522.200.011
Khấu hao trong kỳ	246.892.687	1.712.443.972	903.637.421	17.223.015		2.880.197.095
Phân loại lại nhóm TSCĐ						
Số cuối kỳ	5.109.764.699	34.920.622.489	22.314.489.188	1.057.520.730		63.402.397.106
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	1.746.960.335	31.767.403.739	11.358.879.662	677.369.819		45.550.613.555
Số cuối năm	1.500.067.648	38.039.658.295	12.557.917.150	660.146.804		52.757.789.897

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMEKO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Số nhà 47, ngõ 115, Đường Nguyễn Khang, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT – Quý I năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

6. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy tính	Giá trị thương hiệu Sông Đà	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	55.809.000	500.000.000	555.809.000
Mua trong kỳ			
Giảm trong kỳ			
Số cuối kỳ	55.809.000	500.000.000	555.809.000
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	2.790.450	500.000.000	502.790.450
Khấu hao trong kỳ	2.790.450		2.790.450
Số cuối kỳ	5.580.900	500.000.000	505.580.900
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	53.018.550		53.018.550
Số cuối kỳ	50.228.100	-	50.228.100

7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	Số cuối kỳ
Mua sắm TSCĐ	71.600.000	10.547.133.347	10.087.373.437	531.359.910
XDCB dở dang	214.795.784.080	6.271.994.884		221.067.778.964
<i>Xưởng cơ khí Đà Nẵng</i> <i>(i)</i>	<i>17.527.202.156</i>	<i>1.030.678.168</i>		<i>18.557.880.324</i>
<i>Thủy điện Bắc Giang</i>	<i>110.938.440.432</i>	<i>1.008.688.696</i>		<i>111.947.129.128</i>
<i>Thủy điện Nậm Ly 1</i>	<i>86.330.141.492</i>	<i>4.232.628.020</i>		<i>90.562.769.512</i>
Sửa chữa lớn TSCĐ	171.724.995	22.429.703		194.154.698
Cộng	215.039.109.075	16.841.557.934	10.087.373.437	221.793.293.572

8. Đầu tư vào công ty con

Tên công ty	Hoạt động chính	Vốn điều lệ	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Someco Hà Giang ⁽ⁱ⁾	Xây dựng Thủy điện Nậm Ly	54.000.000.000	90%	90%	60%	60%
Công ty Cổ phần Năng lượng Someco 1 ⁽ⁱⁱ⁾	Xây dựng Thủy điện Bắc Giang	94.000.000.000	79%	79%	56%	56%
Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Công nghệ Someco ⁽ⁱⁱⁱ⁾	Thí nghiệm hiệu chỉnh vận hành hệ thống điện	5.000.000.000	100%	100%	100%	100%
Công ty TNHH MTV	Thiết kế cơ khí	5.000.000.000	100%	100%	100%	100%

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMEKO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Số nhà 47, ngõ 115, Đường Nguyễn Khang, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT – Quý I năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tên công ty	Hoạt động chính	Vốn điều lệ	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tư vấn Thiết kế Someco ^(iv)	công trình thủy lợi, thủy điện					
Công ty Cổ phần Someco Hoà Bình ^(v)	Chế tạo, lắp đặt các thiết bị cơ khí	15.000.000.000	61%	61%	51%	51%

9. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Đầu tư cổ phiếu		10.362.500.000		10.362.500.000
Công ty Cổ phần Sông Đà 7	120.000	7.362.000.000	120.000	7.362.000.000
Công ty Cổ phần Cơ khí Lắp máy Lilama				
Công ty Cổ phần Lilama Hà Nội	100.000	3.000.500.000	100.000	3.000.500.000
Đầu tư dài hạn khác		12.570.000.000		12.570.000.000
Công ty Cổ phần Thủy Điện Sông Đà Hoàng Liên	700.000	7.000.000.000	700.000	7.000.000.000
+ <i>Vốn của Công ty</i>	619.950	6.199.500.000	619.950	6.199.500.000
+ <i>Vốn nhận ủy thác đầu tư</i>	80.050	800.500.000	80.050	800.500.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Tây Bắc	357.000	3.570.000.000	357.000	3.570.000.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Cao Nguyên - Sông Đà	200.000	2.000.000.000	200.000	2.000.000.000
+ <i>Vốn của Công ty</i>		850.000.000		850.000.000
+ <i>Vốn nhận ủy thác đầu tư</i>		1.150.000.000		1.150.000.000
Công ty Cổ phần Năng lượng Điện Biên				
Công ty Cổ phần Năng lượng Cao Bằng				
Cộng		22.932.500.000		22.932.500.000

10. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

Là khoản dự phòng giảm giá đầu tư cổ phiếu đã niêm yết. Tình hình biến động như sau

Số đầu năm	3.246.000.000
Trích lập dự phòng bổ sung	
Hoàn nhập dự phòng	
Số cuối kỳ	3.246.000.000

11. Chi phí trả trước dài hạn

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMEKO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Số nhà 47, ngõ 115, Đường Nguyễn Khang, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT – Quý I năm 2011**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất** (tiếp theo)

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Phân bổ vào chi phí trong kỳ	Số cuối kỳ
Công cụ dụng cụ	875.503.455	262.946.803	517.033.145	621.417.113
Chi phí thuê trụ sở	42.545.500		42.545.500	-
Tiền thuê đất	8.816.076.364			8.816.076.364
Chi phí giải phóng mỏ đá Hoàng Văn Thụ	332.023.500			332.023.500
Cộng	10.066.148.819	262.946.803	559.578.645	9.769.516.977

12. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản lãi chưa phát sinh trong giao các giao dịch nội bộ. Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

Số đầu năm	2.101.564.152
Hợp nhất kinh doanh	
Số hoàn nhập	2.101.564.152
Số cuối năm	-

13. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	186.146.914.780	160.839.550.390
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hoà Bình	116.745.098.462	113.236.697.453
- Ngân hàng TMCP An Bình	46.489.253.937	46.489.253.937
- Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Hoàng Quốc Việt	2.944.226.000	1.113.599.000
- NH PG bank Phố Huế	19.968.336.381	
Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác	73.905.769.358	67.292.854.358
- Vay Công ty Cổ phần Tài chính Sông Đà	73.404.854.358	67.292.854.358
- Vay cá nhân	500.915.000	
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.19)		10.682.093.820
Cộng	260.052.684.138	238.814.498.568

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMEKO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Số nhà 47, ngõ 115, Đường Nguyễn Khang, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT – Quý I năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Số kết chuyển	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Số cuối năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	160.839.550.390	64.287.408.432		38.980.044.042	186.146.914.780
Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác	67.292.854.358	6.612.915.000			73.905.769.358
Vay dài hạn đến hạn trả	10.682.093.820		10.682.093.820		-
Cộng	238.814.498.568	70.900.323.432	10.682.093.820	38.980.044.042	260.052.684.138

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	6.404.591.318	280.427.937	704.395.453	5.980.623.802
Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.752.295.148	117.492.044	2.473.295.603	4.396.491.589
Thuế thu nhập cá nhân	1.050.270.282	232.925.946	10.209.883	1.272.986.345
Thuế môn bài	-	19.000.000	19.000.000	-
Thuế tài nguyên		4.043.376		4.043.376
Các loại thuế khác	29.633.683	1.567.200	29.633.683	1.567.200
Cộng	14.236.790.431	655.456.503	3.236.534.622	11.655.712.312

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Quý I Năm nay	Quý I Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	816.972.078	4.053.255.139
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng (các khoản phạt thuế, lãi chậm nộp BHXH, các khoản chi phí không hợp lệ).	26.410.084	
- Các khoản điều chỉnh giảm (cổ tức, lợi nhuận được chia và chuyển lỗ năm trước)		
Thu nhập chịu thuế trong đó:	843.382.162	4.053.255.139
Thu nhập chịu thuế 12,5% là:	746.827.987	4.053.255.139

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMEKO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Số nhà 47, ngõ 115, Đường Nguyễn Khang, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT – Quý I năm 2011**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

	Quý I Năm nay	Quý I Năm trước
Thu nhập chịu thuế suất 25% là:	96.554.175	
Thuế thu nhập doanh nghiệp dự tính phải nộp	210.845.541	1.013.313.784
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm	93.353.498	506.656.892
Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	117.492.042	506.656.892

Các loại thuế khác

Các loại thuế khác được kê khai và nộp theo qui định.

15. Chi phí phải trả

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí Ban điều hành, phí B chính	1.285.294.357	1.670.153.629
Chi phí xây lắp đã có Biên bản nghiệm thu khối lượng với nhà cung cấp nhưng chưa có đầy đủ hóa đơn, chứng từ	10.493.176.888	12.603.508.317
Cộng	11.778.471.245	14.273.661.946

16. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn	1.073.571.220	1.164.087.172
Bảo hiểm xã hội	2.604.774.602	2.306.675.538
Bảo hiểm y tế	322.827.391	154.620.319
Bảo hiểm thất nghiệp	146.993.612	146.472.388
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	17.450.460	17.450.460
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn		365.000.000
Nhận ủy thác đầu tư cổ phiếu (trong đó số chưa mua cổ phiếu là 342.300.000 VND)	2.292.800.000	2.292.800.000
Phải trả Tổng Công ty Sông Đà	2.907.047.357	2.991.067.463
Các khoản phải trả khác	2.795.847.253	2.270.390.376
Cộng	12.161.311.895	11.708.563.716

17. Dự phòng phải trả ngắn hạn

	Số đầu năm	Tăng do trích lập trong kỳ	Số đã sử dụng trong kỳ	Số hoàn nhập trong kỳ	Số cuối kỳ
Chi phí bảo hành công trình xây lắp	2.894.507.264			2.894.507.264	-
Hợp đồng có rủi ro lớn	2.225.188.955			2.225.188.955	-
Cộng	5.119.696.219			5.119.696.219	-

18. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMEKO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Số nhà 47, ngõ 115, Đường Nguyễn Khang, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT – Quý I năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong kỳ	Số cuối kỳ
Quỹ khen thưởng	(264.518.534)	-	805.800.000	(1.072.181.417)
Quỹ phúc lợi	(539.085.304)	-	5.000.000	(542.222.421)
Cộng	(803.603.838)	-	810.800.000	(1.614.403.838)

19. Vay và nợ dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hoà Bình	22.575.924.560	13.915.830.740
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đông Đô	631.705.00	31.705.000
Ngân hàng PG bank – CN Hà Nội	9.426.000.000	
Ngân hàng TMCP Hàng Hải - Chi nhánh Đồng Đa	5.876.723.594	5.876.723.594
Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Ba Đình	916.000.000	
Vay Chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tỉnh Lạng Sơn	106.675.926.634	106.675.926.634
Vay Chi nhánh Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Giang	70.564.112.033	68.352.153.358
Cộng	216.666.391.821	194.852.339.326

Kỳ hạn thanh toán vay và nợ dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống		
Trên 1 năm đến 5 năm	216.666.391.821	194.852.339.326
Trên 5 năm		
Tổng nợ	216.666.391.821	194.852.339.326

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn như sau:

Số đầu năm	194.852.339.326
Số tiền vay phát sinh trong kỳ	12.553.958.675
Số tiền vay đã trả trong kỳ	1.422.000.000
Kết chuyển trong kỳ	10.682.093.820
Số cuối kỳ	216.666.391.821

20. Dự phòng trợ cấp mất việc làm

Số đầu năm	1.602.926.471
Số trích lập bổ sung	8.688.898
Số đã chi trong kỳ	11.111.275
Số cuối kỳ	1.600.504.094

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMECO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Số nhà 47, ngõ 115, Đường Nguyễn Khang, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT – Quý I năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

21. Vốn chủ sở hữu

<i>Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu</i>	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	40.000.000.000	12.027.182.727		10.816.198.307	1.163.600.780	11.699.028.772	75.706.010.586
Cổ đông góp vốn	30.000.000.000						30.000.000.000
Lợi nhuận trong năm trước						19.282.577.287	19.282.577.287
Trích lập các quỹ				5.428.107.050	888.317.803	(8.093.060.459)	(1.776.635.606)
Tăng Quỹ đầu tư phát triển từ số thuế TNDN năm 2008 được giảm				2.473.295.602		(2.473.295.602)	
Chia cổ tức từ lợi nhuận năm 2009						(2.800.000.000)	(2.800.000.000)
Giảm chi phí phát hành cổ phiếu		(100.005.500)					(100.005.500)
Chênh lệch tỷ giá cuối năm			378.689.025				378.689.025
Tăng khác (*)						11.606	11.606
Số dư cuối năm trước	70.000.000.000	11.927.177.227	378.689.025	18.717.600.959	2.051.918.583	17.615.261.604	120.690.647.398
Số dư đầu năm	70.000.000.000	11.927.177.227	378.689.025	18.717.600.959	2.051.918.583	17.615.261.604	120.690.647.398
Lợi nhuận trong kỳ						699.480.036	699.480.036
Giảm chênh lệch do đánh giá lại TSCĐ						(3.624.574.769)	(3.624.574.769)
Giảm thặng dư vốn do chi phí niêm yết		15.000.000					15.000.000
Chênh lệch tỷ giá cuối kỳ do đánh giá lại tỷ giá			(2.013.680.130)				(2.013.680.130)
Tăng do thay đổi tỷ lệ lợi ích						47.307.697	47.307.697
Tăng do hoàn nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại						2.101.564.152	2.101.564.152
Số dư cuối năm nay	70.000.000.000	11.912.177.227	(1.634.991.105)	18.717.600.959	2.051.918.583	16.839.038.720	117.885.744.384

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMEKO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Số nhà 47, ngõ 115, Đường Nguyễn Khang, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT – Quý I năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vốn đầu tư của Nhà nước	35.700.000.000	35.700.000.000
Vốn góp của các cổ đông	34.300.000.000	34.300.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	11.912.177.227	11.927.177.227
Cộng	81.912.177.227	81.927.177.227

Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	7.000.000	7.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành	7.000.000	7.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông được mua lại		
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	7.000.000	7.000.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

Mục đích trích lập các quỹ

- Quỹ đầu tư phát triển được dùng để mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư theo chiều sâu.
- Quỹ dự phòng tài chính được dùng để bù đắp những tổn thất, thiệt hại xảy ra trong quá trình kinh doanh hoặc các trường hợp bất khả kháng, ngoài dự kiến như thiên tai, hỏa hoạn,....

22. Lợi ích của cổ đông thiểu số

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần quyền lợi của các cổ đông thiểu số trong giá trị tài sản thuần của các công ty con. Tình hình biến động lợi ích của cổ đông thiểu số như sau:

Số đầu năm	16.185.040.227
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	133.165.432
Cổ đông thiểu số góp thêm vốn trong kỳ	1.070.973.773
Số cuối kỳ	17.389.179.432

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Quý I năm nay	Quý I năm trước
Tổng doanh thu	20.884.446.478	32.970.442.841
- Doanh thu bán hàng hóa	4.753.325.274	
- Doanh thu bán thành phẩm		
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	416.140.882	
- Doanh thu hoạt động xây dựng	15.714.980.322	32.970.442.841
Các khoản giảm trừ doanh thu:		
- Giảm giá hàng bán	-	

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMEKO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Số nhà 47, ngõ 115, Đường Nguyễn Khang, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT – Quý I năm 2011**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

	Quý I năm nay	Quý I năm trước
Doanh thu thuần	20.884.446.478	32.970.442.841
<i>Trong đó:</i>		
- Doanh thu thuần bán hàng hóa	4.753.325.274	
- Doanh thu thuần bán thành phẩm		
- Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	416.140.882	
- Doanh thu thuần hoạt động xây dựng	15.714.980.322	32.970.442.841
2. Giá vốn hàng bán		
	Quý I năm nay	Quý I năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã cung cấp	3.465.463.730	
Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp		
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	394.787.603	
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	13.209.257.600	23.871.701.145
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		
Cộng	17.069.508.933	23.871.701.145
3. Doanh thu hoạt động tài chính		
	Quý I năm nay	Quý I năm trước
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	156.837.020	191.424.187
Lãi vay thu được do chậm thanh toán tiền khối lượng CT thủy điện Nậm Chiến 2, Nậm Công, Nậm Sỏi	1.864.977.616	
Cộng	2.021.814.636	191.424.187
4. Chi phí tài chính		
	Quý I năm nay	Quý I năm trước
Chi phí lãi vay	2.354.495.564	1.541.068.624
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện		120.888
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn		(1.302.000.000)
Cộng	2.354.495.564	- 239.189.512
5. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
	Quý I năm nay	Quý I năm trước
Chi phí cho nhân viên	1.715.273.742	3.151.790.006
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	131.360.184	210.541.650
Chi phí đồ dùng văn phòng	100.073.593	232.291.087
Chi phí khấu hao tài sản cố định	67.804.625	252.878.585
Thuế, phí và lệ phí	11.842.394	6.634.000

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMEKO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Số nhà 47, ngõ 115, Đường Nguyễn Khang, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT – Quý I năm 2011**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

	<u>Quý I năm nay</u>	<u>Quý I năm trước</u>
Chi phí dự phòng		
Chi phí dịch vụ mua ngoài	392.319.229	508.511.897
Chi phí bằng tiền khác	220.182.688	1.120.482.387
Cộng	2.638.856.455	5.483.129.612
6. Thu nhập khác		
	<u>Quý I năm nay</u>	<u>Quý I năm trước</u>
Các khoản nợ không xác định được chủ		
Thu phạt bồi thường tài sản		
Thu bán hồ sơ thầu		
Hoàn nhập chi phí bảo hành công trình xây lắp		
Các khoản khác		16.800.594
Cộng	-	16.800.594
7. Chi phí khác		
	<u>Quý I năm nay</u>	<u>Quý I năm trước</u>
Thuế bị phạt, bị truy thu		8.251.438
Lãi trả cơ quan BHXH do nộp chậm	26.410.084	
Chi phí khác		1.320.000
Cộng	26.410.084	9.771.238
8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các giao dịch nội bộ tạm thời phải chịu thuế.		
9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu		
	<u>Quý I năm nay</u>	<u>Quý I năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	566.324.604	3.546.598.247
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	7.000.000	7.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	81	507

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMEKO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Số nhà 47, ngõ 115, Đường Nguyễn Khang, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT – Quý I năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tập đoàn Sông Đà	Công ty mẹ

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	Quý I năm nay	Năm trước
<i>Tập đoàn Sông Đà</i>		
Phụ phí thầu chính	2.907.047.357	2.942.538.448
Lãi vay phải trả Tập đoàn		197.931.966
Bù trừ công nợ tiền mua xe ô tô		197.044.808
Phí đào tạo, tiền in lịch		3.822.000
Các khoản phải trả	2.907.047.357	2.991.067.463

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMECO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Số nhà 47, ngõ 115, Đường Nguyễn Khang, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT – Quý I năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Quý I năm nay	Hàng hoá	Thành phẩm	Xây lắp	Đầu tư Thủy điện	Dịch vụ và khác	Các khoản loại trừ	Cộng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài			19.127.466.148		1.757.000.330		20.884.446.478
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	4.158.551.958		6.098.455.362		458.881.389	(10.715.888.709)	
Tổng doanh thu thuần	4.158.551.958		25.225.901.510		2.215.881.719	(10.715.888.709)	20.884.446.478
Chi phí bộ phận	4.158.551.958		24.044.674.831		2.221.027.308	(10.715.888.709)	19.708.365.388
Kết quả kinh doanh theo bộ phận			1.181.226.679		(5.145.589)		1.176.081.090
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận							
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh							1.176.081.090
Doanh thu hoạt động tài chính							2.021.796.636
Chi phí tài chính							2.354.495.564
Thu nhập khác							
Chi phí khác							26.410.084
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh							816.972.078
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành							117.492.042
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại							133.165.432
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp							566.314.604

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMEKO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Số nhà 47, ngõ 115, Đường Nguyễn Khang, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT – Quý I năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Hàng hoá	Thành phẩm	Xây lắp	Đầu tư Thủy điện	Dịch vụ và khác	Các khoản loại trừ	Cộng
<u>Số cuối kỳ</u>							
Tài sản trực tiếp của bộ phận	6.212.954.966		985.437.533.290		49.005.041.728	(247.557.321.690)	793.098.208.375
Tài sản phân bổ cho bộ phận							
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận							
<i>Tổng tài sản</i>							<u>793.098.208.375</u>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận			784.839.588.575		39.003.448.243	(169.644.327.028)	654.198.709.790
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận							
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận							
<i>Tổng nợ phải trả</i>							<u>654.198.709.790</u>
<u>Số đầu năm</u>							
Tài sản trực tiếp của bộ phận	13.380.543.168	7.203.275.843	690.695.160.165	254.192.972.420	15.193.044.682	(235.756.958.700)	744.908.037.578
Tài sản phân bổ cho bộ phận							
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận							19.686.500.000
<i>Tổng tài sản</i>							<u>764.594.537.578</u>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	13.380.543.168	2.249.211.356	566.276.661.362	192.223.598.224	10.100.302.088	(156.511.466.245)	627.718.849.953
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận							
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận							
<i>Tổng nợ phải trả</i>							<u>627.718.849.953</u>

Khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMEKO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Số nhà 47, ngõ 115, Đường Nguyễn Khang, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT – Quý I năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

3. Thay đổi chính sách kế toán

Năm 2011, trong phạm vi có liên quan, Công ty áp dụng các qui định tại Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp.

Ngoài ra, ngày 06 tháng 11 năm 2009 Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính. Các yêu cầu của Thông tư này sẽ được áp dụng trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính từ năm 2011 trở đi.

Lập, ngày 20 tháng 04 năm 2011

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Lê Thị Hồi

Phạm Đức Trọng

Trần Thanh Sơn